

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ DU LỊCH TRƯỜNG NGUYỄN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ DU LỊCH TRƯỜNG NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG NGUYEN TRAVEL AND SERVICE TRANSPORT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108448407

**3. Ngày thành lập:** 27/09/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 53 Ngõ 8 Cầu Bươu, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4330     |
| 2.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4653     |
| 3.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4752     |
| 4.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch.<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định<br><br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi<br>Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô | 4932     |
| 5.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4291     |
| 6.  | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4292     |
| 7.  | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4299     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 8.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ nhạc cụ trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 9.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 8230 |
| 10. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4101 |
| 11. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4102 |
| 12. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4222 |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 14. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7710 |
| 15. | Điều hành tua du lịch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 7912 |
| 16. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày<br>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)<br>Bán buôn máy móc, thiết bị y tế                                   | 4659 |
| 17. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến<br>Bán buôn xi măng<br>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi<br>Bán buôn kính xây dựng<br>Bán buôn sơn, vécni<br>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh<br>Bán buôn đồ ngũ kim<br>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                         | 4663 |
| 18. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao                                                                                                                                                                                                       | 4649 |
| 19. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4223 |

|     |                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 20. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                   | 4229        |
| 21. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Trừ Dò mìn và các loại tương tự (bao gồm cả việc cho nổ) tại mặt bằng xây dựng)                               | 4312        |
| 22. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                      | 4329        |
| 23. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                       | 4211        |
| 24. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                        | 4212        |
| 25. | Xây dựng công trình điện                                                                                                            | 4221        |
| 26. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                 | 4610        |
| 27. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                 | 4931(Chính) |
| 28. | Đại lý du lịch                                                                                                                      | 7911        |
| 29. | Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch                                                 | 7990        |
| 30. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh | 8299        |
| 31. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                               | 4293        |
| 32. | Phá dỡ                                                                                                                              | 4311        |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                               | 4321        |
| 34. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                               | 4322        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.068.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐINH VĂN CHUÔNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/04/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 164284172

Ngày cấp: 19/06/2012 Nơi cấp: Công an Ninh Bình

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 2 Thọ Bình, Xã Yên Phong, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 53 Ngõ 8 Cầu Bươu, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐINH VĂN CHUÔNG

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *02/04/1985*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *164284172*

Ngày cấp: *19/06/2012*

Nơi cấp: *Công an Ninh Bình*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm 2 Thọ Bình, Xã Yên Phong, Huyện Yên Mô, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 53 Ngõ 8 Cầu Bươu, Xã Tả Thanh Oai, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội